Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8533.10.10

Mã HS	8533.10.10
Mô tả hàng hóa	Điện trở (kể cả biến trở và chiết áp), trừ điện trở nung nóng / - Điện trở than cố định, dạng kết hợp hoặc dạng màng: / - - Điện trở dán
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 23:08:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85331010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15730
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15730
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15730
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15063
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14995
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14995
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14995
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14995
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14995
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14995
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15049
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15049
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15049

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15049
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15049
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15049
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15050
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15050
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15050
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15050
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15050
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15050
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15053
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15001
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15009
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15009
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15009
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15009
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15009
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15009
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15049
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15049
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15049
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15049
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15049
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15049
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15104
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15104
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15104

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15104
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15104
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15104
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15083
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15083
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15083
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15083
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15083
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15083
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15081
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15081
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15081
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15081
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15081
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15081
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15087
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15087
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15087
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15087
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15087
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15087
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15086
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15086
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15086
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15086
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15086

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15086
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15079
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15079
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15079
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15079
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15079
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15079
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15079
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15074
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15074
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15074
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15074
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15074
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15074
RCEP B	2022	2022	0	B!D15074
RCEP B	2023	2023	0	B!E15074
RCEP B	2024	2024	0	B!F15074
RCEP B	2025	2025	0	B!G15074
RCEP B	2026	2026	0	B!H15074
RCEP B	2027	2027	0	B!I15074
RCEP C	2022	2022	0	C!D15074
RCEP C	2023	2023	0	C!E15074
RCEP C	2024	2024	0	C!F15074
RCEP C	2025	2025	0	C!G15074
RCEP C	2026	2026	0	C!H15074
RCEP C	2027	2027	0	C!I15074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15073
RCEP D	2023	2023	0	D!E15073
RCEP D	2024	2024	0	D!F15073
RCEP D	2025	2025	0	D!G15073
RCEP D	2026	2026	0	D!H15073
RCEP D	2027	2027	0	D!I15073
RCEP E	2022	2022	0	E!D15077
RCEP E	2023	2023	0	E!E15077
RCEP E	2024	2024	0	E!F15077
RCEP E	2025	2025	0	E!G15077
RCEP E	2026	2026	0	E!H15077
RCEP E	2027	2027	0	E!I15077
RCEP F	2022	2022	0	F!D15074
RCEP F	2023	2023	0	F!E15074
RCEP F	2024	2024	0	F!F15074
RCEP F	2025	2025	0	F!G15074
RCEP F	2026	2026	0	F!H15074
RCEP F	2027	2027	0	F!I15074
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14044
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14044
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14044
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14044

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8533.10 có 2 dòng thuế; dòng 8533.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Điện trở dán.	8533.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8533.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8533.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15730), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.